

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2021/ HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử

Ông Phạm Xuân Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX - ST ngày 06 tháng 4 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 01 ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Cầu M, xã Yên Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh B.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Cầu M, xã Yên Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh B.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Tươi, vắng mặt anh Phong.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020, bản tự khai và cũng như tại phiên tòa chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Ph trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Th, huyện Yên M, tỉnh Ninh B vào ngày 25/3/2002. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng mười

năm, đến khoảng đầu năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph thường xuyên uống rượu, lười lao động, sau mỗi lần đi uống rượu về anh Ph đánh đập chửi bới vợ con và đập phá đồ đạc trong nhà, chị T không chịu đựng được, nên nhiều lần chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở; sau mỗi lần chị bỏ nhà về nhà mẹ đẻ ở anh Ph đều sang xin lỗi chị, nhưng khi vợ chồng về đoàn tụ được thời gian ngắn thì anh Ph vẫn chứng nào tật ấy. Đến tháng 9 năm 2020, vợ chồng ly thân chị về nhà bố mẹ đẻ ở và có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Ph, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nên chị T đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi vợ chồng trở về đoàn tụ, anh Ph vẫn tiếp tục uống rượu và chửi đánh đập chị, chị và anh Ph đã sống ly thân, đến ngày 25/12/2020, chị T lại có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Ph. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung cháu Phạm Quốc N, sinh ngày 20/8/2002, cháu Phạm Thị Yên V, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 02/12/2012. Hiện nay cháu N đã trưởng thành và lao động tự lập, nên chị T không đề nghị Tòa giải quyết; cháu V và cháu B đang ở với chị; khi ly hôn chị T đề nghị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; chị T yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu B thành niên.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh Ph tự giải quyết với nhau, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án nhân dân huyện Yên Mô triệu tập nhưng anh Phạm Văn Ph không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và yêu cầu anh Phạm Văn Ph cung cấp chứng cứ liên quan đến tình cảm vợ chồng và đề nghị anh có quan điểm đối với yêu cầu của chị T xin ly hôn anh Ph tại Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhưng anh Phạm Văn Ph đều không cung cấp chứng cứ và không có mặt để làm việc với Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 3 năm 2021. Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng đã cung cấp như sau: Chị Phạm Thị T và anh Ph lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng vào ngày 25/3/2002. Quá trình vợ chồng chị T, anh Ph chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến đầu năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph thường xuyên uống rượu dẫn đến anh Ph hay chửi và đánh đập chị T, nhiều lần chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở; chị T và anh Ph đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Ph, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh Ph đã sống ly thân, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của

nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Ph. Đối với con chung chị và anh Ph có ba con chung cháu Phạm Quốc N, sinh ngày 20/8/2002, cháu Phạm Thị Yến V, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 02/12/2012. Hiện nay cháu N đã trưởng thành và lao động tự lập, nên chị T không đề nghị Tòa giải quyết; cháu V và cháu B đang ở với chị T; khi ly hôn chị đề nghị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu B thành niên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô nghiên cứu đúng thời gian; trình tự thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn Ph theo đúng quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Văn Ph không chấp hành các quy định về tố tụng dân sự, không có mặt tại Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử vắng mặt anh Ph là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 BLDS; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn đối với anh Phạm Văn Ph. Hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu cháu Phạm Thị Yến V, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 02/12/2012 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng; anh Phạm Văn Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu B thành niên. Về tài sản chung: Chị T không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn, anh Ph phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Phạm Văn Ph đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Cầu

Mễ, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã nhiều lần yêu cầu anh Ph cung cấp chứng cứ chứng minh tình cảm vợ chồng và có quan điểm đối với yêu cầu của chị T xin ly hôn anh Ph. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Phạm Văn Ph đến Tòa án nhân dân huyện Yên Mô làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ph vắng mặt không có lý do. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh Phạm Văn Ph đều không đến tham gia phiên tòa. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Ph là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Ph xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2002 tại UBND xã Yên Thắng, huyện Yên Mô. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do anh Ph hay uống rượu, mỗi lần anh Ph đi uống rượu về anh Ph thường xuyên đánh đập và chửi bới vợ con. Để bảo vệ tính mạng nên chị T đã nhiều lần phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau mỗi lần như vậy anh Ph sang xin lỗi chị, vì thương con và cho anh Ph cơ hội sửa chữa khuyết điểm nên chị T lại về đoàn tụ, nhưng anh Ph vẫn không thay đổi. Chị và anh Ph đã đến Tòa án giải quyết, sau khi được Tòa án phân tích và nghĩ đến các cháu nên chị đã rút đơn để trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng khi quay trở lại đoàn tụ anh Ph vẫn không thay đổi tính nết do đó vợ chồng chính thức ly thân nhau từ tháng 10/2020 hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Việc chị T làm đơn xin ly hôn là chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị T xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn đối với anh Phạm Văn Ph là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Ph có ba con chung là Phạm Quốc N, sinh ngày 20/8/2002; cháu Phạm Thị Yến V, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 02/12/2012. Hiện nay cháu N đã trưởng thành và lao động tự lập, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật, cháu V và cháu B đang ở với chị T, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T; anh Ph thường xuyên uống rượu nên không đảm bảo được việc chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu V và cháu B được. Vì vậy, việc giao con cho ai nuôi đều phải đảm bảo điều kiện tốt nhất để các cháu được chăm sóc, học tập và phát triển toàn diện cả trí và lực. Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu Phạm Thị Yến V, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 02/12/2012 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000 đồng, xét thấy anh Ph hiện nay làm nghề lao động tự do thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, để đảm bảo quyền lợi của cháu B nên buộc anh Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 06 năm 2021 cho đến khi cháu B thành niên.

[4] Tài sản chung và công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn, anh Ph phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Phạm Văn Ph. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Yên V, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Phạm Khánh B, sinh ngày 02/12/2012 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Ph phải cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 06 năm 2021 cho đến khi cháu B thành niên.

Kể từ ngày chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Phạm Văn Ph còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002389 ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Anh Phạm Văn Ph phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ph vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phan Ngọc Hà